

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VÙNG SẢN XUẤT SÀU RIÊNG THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

● **NGUYỄN HUỲNH PHƯỚC**

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

DOI: 10.62831/nckh.2026.145.v2

TÓM TẮT:

Nghiên cứu nhằm xác định các nguyên nhân nông dân chưa chấp nhận áp dụng tiêu chuẩn VietGAP vào sản xuất sầu riêng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, những nguyên nhân chính làm cho các nhà vườn chưa áp dụng quy chuẩn VietGAP là do chi phí sản xuất VietGAP cao, giá bán sản phẩm VietGAP không chênh lệch nhiều so với sản phẩm thông thường và đầu ra sản phẩm VietGAP không ổn định. Quy trình kỹ thuật khó và việc phải ghi chép nhật ký sản xuất cũng là nguyên nhân chính làm người nông dân không áp dụng VietGAP. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy nhà vườn áp dụng tiêu chuẩn VietGAP.

Từ khóa: nông dân, VietGAP, sản xuất, sầu riêng, Cần Thơ.

1. Đặt vấn đề

Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam đã đạt được giá trị lớn trong thời gian gần đây, năm 2025 đạt hơn 8,5 tỷ USD, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu chính. Tuy nhiên, tỷ trọng xuất khẩu rau quả sang các nước EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hàn Quốc có xu hướng tăng (Đỗ Hương, 2025). Đặc biệt là cơ hội xuất khẩu ngành hàng rau quả vào thị trường EU ngày càng lớn khi Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam-EU (EVFTA) có hiệu lực vào ngày 01/08/2020, theo đó khoảng 94% dòng thuế nhóm hàng rau, quả tươi và chế biến được EU cắt giảm về 0% (Bảo Thoa, 2023).

Theo Sở Nông nghiệp và Môi trường TP. Cần Thơ (2025), giai đoạn 2020-2025, diện tích sầu riêng

tại Cần Thơ tăng rất nhanh, năm 2025 đạt gần 13.000 ha. Tổng diện tích cây ăn trái toàn Thành phố đạt 102.914 ha với tổng sản lượng ước đạt hơn 1,2 triệu tấn. Trong đó, cây sầu riêng vẫn là một trong những nhóm cây trồng chiếm diện tích khá lớn trên địa bàn Thành phố.

Đây là cơ hội và cũng là thách thức đối với sản xuất của nông dân trong nước, đặc biệt nông dân ở vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), nơi cung cấp khoảng 70% sản lượng trái cây cho cả nước (Phương Anh - Thành Nhân, 2026). Nông dân cần sản xuất theo quy chuẩn an toàn nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe về chất lượng, độ an toàn và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Nhằm thúc đẩy nông dân sản xuất theo VietGAP, Bộ Khoa học và Công

nghe đã ban hành tiêu chuẩn VietGAP áp dụng trong lĩnh vực trồng trọt. Tuy nhiên, việc triển khai áp dụng VietGAP vào sản xuất vẫn còn nhiều thách thức đối với nông dân. Nhiều mô hình thực nghiệm sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP thành công ở quy mô nhỏ nhưng khi nhân rộng thì thất bại vì đa số nông dân chưa chấp nhận áp dụng.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu chung của nghiên cứu là đánh giá hiện trạng sản xuất và các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP của nông dân sản xuất sầu riêng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm giúp nâng cao hiệu quả sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và cải thiện đời sống nông dân.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 09/2025 đến tháng 12/2025.

Nghiên cứu sử dụng số liệu sơ cấp được thu thập từ điều tra trực tiếp chủ hộ hoặc những nông dân trực tiếp canh tác sầu riêng trên địa bàn 3 xã Châu Thành, Đông Phước, Phú Hữu của Thành phố Cần Thơ. Mẫu khảo sát gồm 180 nhà vườn trồng sầu riêng (180 phiếu) có diện tích >1.000 m².

Nội dung phiếu điều tra gồm các nội dung về điều kiện tự nhiên, giống, một số kỹ thuật chăm sóc, chi phí sản xuất,... được điều tra theo mẫu phiếu in sẵn bằng cách phỏng vấn trực tiếp nông hộ.

3.2. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu sơ cấp được nhập liệu và xử lý các giá trị trung bình, độ lệch (Sd), vẽ biểu đồ bằng chương trình Microsoft Excel.

Phương pháp phân tích định tính chủ yếu được sử dụng để phân tích những nguyên nhân nông hộ chưa chấp nhận áp dụng tiêu chuẩn VietGAP vào sản xuất.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Hiện trạng canh tác sầu riêng

Qua kết quả điều tra (Bảng 1) ghi nhận mô hình trồng sầu riêng tại Cần Thơ theo hai hướng độc canh (95%) và xen canh (5%). Tuổi cây sầu riêng dao động từ 2 đến 15 năm. Trong khi đó, diện tích trồng sầu riêng của mỗi hộ nông dân được điều tra trung bình là

Bảng 1. Diện tích vườn và tuổi cây sầu riêng được điều tra tại TP. Cần Thơ

	Lớn nhất	Nhỏ nhất	Trung bình $\pm$ Sd
Diện tích vườn (m ²)	46.000	2.100	4.256 $\pm$ 1.416
Tuổi cây (năm)	15	2	6 $\pm$ 2,2

n=180 (kết quả khảo sát năm 2025)

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả

4.256 m², biến thiên từ 2.100 m² đến 46.000 m². Theo điều tra, tuổi cây từ 4-6 năm chiếm 73% và diện tích sầu riêng đang tăng lên do lợi nhuận đem lại khá lớn nên một số hộ chuyển từ mô hình trồng mít sang trồng sầu riêng.

Tuy nhiên, diện tích canh tác sầu riêng trên địa bàn thành phố khá phân tán, nông hộ sở hữu diện tích nhỏ lẻ, không tập trung. Đây là một trong những yếu tố tác động rất lớn trong việc xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất sầu riêng tập trung đáp ứng tiêu chuẩn VietGAP. Các nông hộ sản xuất rời rạc, chưa hình thành các Tổ hợp tác hay Hợp tác xã, vì vậy chưa xây dựng được lịch thời vụ và không có đầu mối đại diện để ký các liên kết tiêu thụ sản phẩm quy mô lớn.

4.2. Đặc điểm vườn

4.2.1. Khoảng cách trồng

Qua kết quả điều tra được trình bày ở Bảng 2 cho thấy, khoảng cách trồng 8x8 m chiếm tỷ lệ cao nhất 76,8%, chỉ có 4,1% số hộ trồng theo khoảng cách 6x6 m. Theo Trần Văn Hậu (2025), khoảng cách

Bảng 2. Khoảng cách trồng của sầu riêng được điều tra tại TP. Cần Thơ

Khoảng cách trồng (m)	Giá trị (%)
9x9	15,4
8x8	76,8
7x7	3,7
6x6	4,1

n=180 (kết quả khảo sát năm 2025)

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả

trồng sầu riêng thích hợp là 9x9 m hay 8x8 m (khoảng 220 cây/ha). Như vậy, khoảng cách trồng của các nhà vườn được điều tra khá phù hợp cho cây phát triển tốt.

4.2.2. Hệ thống mương liếp

Xây dựng mương, liếp là điều kiện cần thiết trong xây dựng vườn cây ăn trái ở ĐBSCL. Mương chứa nước tưới cho cây vào mùa nắng và thoát nước trong mùa mưa, kích thước mương còn phụ thuộc vào địa hình và việc bố trí cây trồng trên liếp. Theo điều tra, kích thước mương của các hộ dân thiết kế khá đa dạng; chiều rộng của mương trung bình $3,0 \pm 0,5$ m; chiều rộng liếp trung bình $8,5 \pm 0,5$ m (Bảng 3). Theo Nguyễn Bảo Vệ và Lê Thanh Phong (2020), kích thước mương vườn thay đổi tùy theo kích thước liếp, độ cao của đất, mương rộng trung bình khoảng $\frac{1}{2}$ chiều rộng liếp, sâu 1,5-2 m. Nhìn chung, kích thước mương, liếp được thiết kế khá phù hợp.

Bảng 3. Kích thước mương liếp trồng sầu riêng được điều tra tại TP. Cần Thơ

Giá trị	Mương		Chiều rộng liếp (m)
	Sâu (m)	Rộng (m)	
Lớn nhất	2	3,5	9
Nhỏ nhất	1,5	2	6
Trung bình $\pm$ Sd	$1,5 \pm 0,5$	$3 \pm 0,5$	$8,5 \pm 0,5$

n=180 (kết quả khảo sát năm 2025)

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả

4.3. Kỹ thuật bón phân

Cây sầu riêng cần bón đầy đủ, cân đối các nguyên tố dinh dưỡng, đủ vi lượng cây mới sinh trưởng khỏe mạnh, sung sức, chống chịu tốt với sâu bệnh, cho năng suất cao (Trần Văn Hậu, 2025). Theo kết quả điều tra tại Cần Thơ, người dân bón phân bằng cách rải quanh gốc 4 - 6 lần trong năm, các đợt bón tập trung lượng phân cao vào giai đoạn chuẩn bị làm trái và sau thu hoạch. Nhìn chung, nhà vườn bón theo từng giai đoạn sinh trưởng từ khi cây ra hoa đến khi trái phát triển và trưởng thành nhằm đáp ứng nhu cầu của trái.

4.4. Thu hoạch và tiêu thụ

Kết quả điều tra cho thấy, thời gian đậu trái đến khi thu hoạch của sầu riêng trung bình là 110 ± 20 ngày. Sau khi thu hoạch, 100% các nhà vườn được thương lái đến tận nhà thu mua và không có biện pháp bảo quản sau thu hoạch.

4.5. Cơ sở vật chất và điều kiện sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP

Theo kết quả điều tra khảo sát, hơn 90% các điều kiện cơ sở vật chất (kho chứa thuốc bảo vệ thực vật, chỗ pha thuốc, hố rác, hố cát...) bắt buộc theo tiêu chuẩn VietGAP nông hộ chưa đáp ứng được. Số ít có nhà kho, tuy nhiên việc bố trí, sắp xếp vật tư vẫn chưa phù hợp theo tiêu chuẩn VietGAP.

Vì vậy, khi thực hiện mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, nông hộ phải đầu tư kinh phí để xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất đáp ứng theo tiêu chuẩn. Ngoài ra, nông hộ cần phải chuẩn bị một khoản chi phí để thực hiện kiểm mẫu (gồm mẫu đất, nước và sản phẩm) và chi phí thuê đơn vị đánh giá chứng nhận. Việc này làm phát sinh chi phí sản xuất và ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế nông hộ nếu giá bán giữa sản phẩm VietGAP và sản phẩm thông thường không có sự chênh lệch.

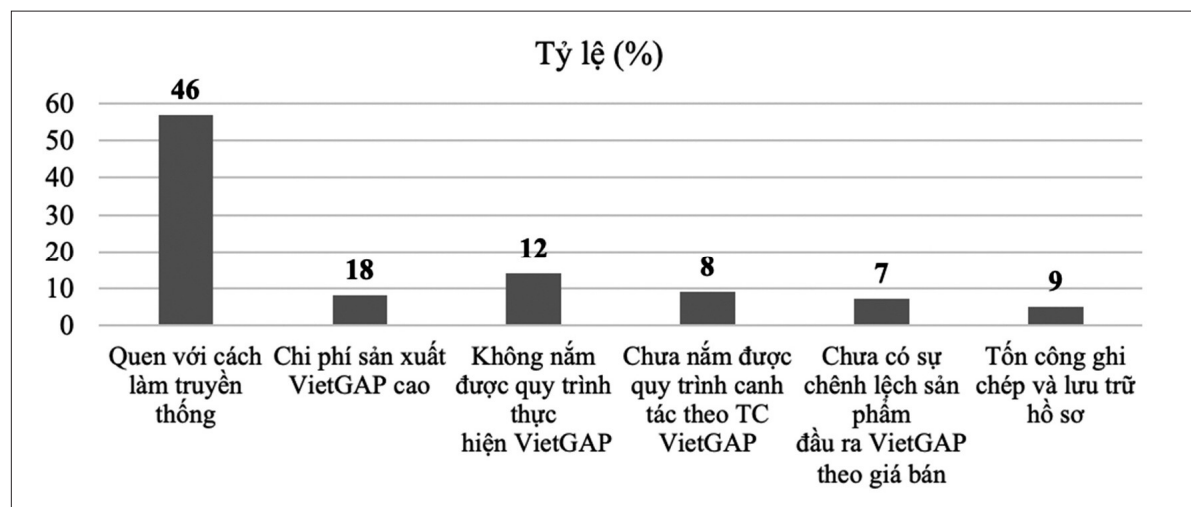
4.6. Nguyên nhân nông hộ chưa sẵn sàng chấp nhận áp dụng VietGAP vào canh tác

Theo quan điểm của người nông dân, nhóm nghiên cứu xác định được

4 nhóm nguyên nhân (thông qua 8 tiêu chí) làm cho nhà vườn chưa sẵn sàng chấp nhận áp dụng VietGAP vào sản xuất. Sau khi xác định được các nguyên nhân chung, sử dụng 8 tiêu chí này để nông dân đánh giá thông qua thang đo Likert 5 mức độ. Chi tiết kết quả đánh giá các nguyên nhân được trình bày ở Hình 1.

Nhóm nguyên nhân thứ nhất có liên quan đến các tiêu chuẩn về kỹ thuật sản xuất. Tiêu chuẩn VietGAP đặt ra những yêu cầu cụ thể về kỹ thuật cho từng khâu trong quá trình sản xuất, sơ chế sản phẩm trồng trọt, bao gồm: đánh giá và lựa chọn vùng sản xuất; giống,

Hình 1: Nguyên nhân nông hộ chưa sẵn sàng chấp nhận áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP



quản lý đất, phân bón, nước tưới cho cây trồng, nông được, thu hoạch và xử lý sau thu hoạch; quản lý và xử lý chất thải; an toàn lao động; ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy xuất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm; kiểm tra nội bộ (theo tiêu chuẩn TCVN11892-1:2017).

Nông dân được khảo sát cho rằng, quy trình VietGAP khó áp dụng và phức tạp, phải tuân thủ theo nhiều tiêu chí quy định bắt buộc. Ngoài ghi chép nhật ký sản xuất hàng ngày, nông dân còn giữ quy tắc vệ sinh chung, vệ sinh kỹ dụng cụ sản xuất, thu gom chai lọ đựng thuốc bảo vệ thực vật, xây dựng nhà vệ sinh tự hoại. Qua khảo sát nông dân còn cho rằng, việc ghi chép nhật ký sản xuất hàng ngày và lưu hồ sơ sẽ khó thực hiện trong thực tế với nông dân. Do đặc thù nghề nông, công việc mệt nhọc cùng với trình độ học vấn thấp, nông dân thường lớn tuổi, quen với sản xuất tự do, không có ghi chép nên người dân cảm thấy khó thực hiện việc ghi chép lại các công việc hàng ngày. Qua khảo sát cho thấy, người dân có ý thức về lợi ích của việc áp dụng tiêu chuẩn VietGAP, nhưng họ chưa quen công việc ghi chép “nhật ký sản xuất”, đây là một trong những tiêu chí quan trọng trong quy trình VietGAP, nhằm đảm bảo việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Nhóm nguyên nhân thứ hai có liên quan đến chi phí sản xuất. Nông dân được khảo sát tin rằng, việc

sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP sẽ làm tăng chi phí so với sản xuất theo phương thức canh tác truyền thống. Như được đề cập, việc áp dụng tiêu chuẩn VietGAP phải tuân thủ theo quy trình kỹ thuật sản xuất nghiêm ngặt về an toàn như phải sử dụng thêm phân hữu cơ, thuốc sinh học, phải có nhà kho để phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, dụng cụ bảo hộ lao động... do đó sẽ làm tăng chi phí sản xuất cho nông dân.

Nhóm nguyên nhân thứ ba là về đầu ra sản phẩm đạt chuẩn VietGAP. Nông dân đề cập đến 2 vấn đề chính liên quan đến thị trường là đầu ra sản phẩm VietGAP không ổn định và giá bán sản phẩm đạt chuẩn VietGAP không chênh lệch đáng kể so với giá sản phẩm sản xuất theo quy trình thông thường của nông dân. Các sản phẩm đạt chuẩn VietGAP có thể chưa được người mua tin tưởng về chất lượng nên chưa sẵn lòng để mua giá cao. Nông dân được khảo sát cho rằng, họ không muốn sản xuất theo quy chuẩn VietGAP là do đầu ra thị trường không ổn định.

Nhóm nguyên nhân thứ tư có liên quan đến đặc điểm của nông dân như sự hiểu biết và nhận thức về VietGAP. Nông dân cho rằng, qua quan sát những hộ đang áp dụng quy trình VietGAP cho thấy, hiệu quả sản xuất không cao so với sản xuất theo quy trình bình thường. Chẳng hạn, chi phí sản xuất theo

VietGAP cao nhưng giá bán sản phẩm lại không cao, người sản xuất phải áp dụng quy trình kỹ thuật và ghi chép nhật ký sản xuất một cách nghiêm ngặt. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, nông dân chưa được tiếp cận hỗ trợ, trao đổi và hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn VietGAP nên chưa dám áp dụng. Nông dân không muốn áp dụng quy trình VietGAP vì đã quen với kỹ thuật và kinh nghiệm lâu nay trong canh tác nên chưa sẵn sàng để thay đổi, do không biết khi áp dụng VietGAP có đạt kết quả cao hơn hay không.

Nhìn chung, có nhiều nguyên nhân làm nông dân chưa có động lực để áp dụng quy trình VietGAP vào canh tác cây ăn trái. Các nguyên nhân chủ yếu là chi phí sản xuất VietGAP cao do phải đầu tư một số hạng mục công trình như kho chứa phân thuốc và dụng cụ lao động, nhà vệ sinh tự hoại, thường xuyên ghi chép nhật ký sản xuất, quy trình kỹ thuật khó áp dụng, trong khi đó đầu ra cho sản phẩm VietGAP không ổn định và giá bán không chênh lệch nhiều so với sản xuất theo truyền thống. Nhiều nông dân chưa nhận thức được lợi ích lâu dài khi áp dụng quy trình VietGAP vào sản xuất. Không ít nông dân lớn tuổi, trình độ học vấn thấp nên đôi khi còn ngại áp dụng những kỹ thuật hay quy trình sản xuất mới.

Một lý do khác cũng khá quan trọng là giá bán sản phẩm đạt chuẩn VietGAP và sản phẩm thông thường chưa có sự khác biệt nhiều nên chưa tạo động lực cho nông dân áp dụng quy chuẩn VietGAP vào sản xuất. Chưa có nhiều doanh nghiệp tham gia thực hiện việc liên kết bao tiêu sản phẩm VietGAP cho nông dân. Đây có thể là một trong những lý do làm cho giá bán giữa sản phẩm đạt chuẩn VietGAP và thông thường không chênh lệch nhiều, do nông dân vẫn bán sản phẩm VietGAP qua thương lái, trong khi thương lái ít có sự phân biệt giá mua giữa sản phẩm VietGAP và sản phẩm thông thường.

Chi phí chứng nhận đạt chuẩn VietGAP còn cao cũng được xem là một trong những nguyên nhân làm nông dân chưa có động lực để áp dụng tiêu chuẩn VietGAP. Hiện nay, để chứng nhận sản xuất đạt chuẩn VietGAP, nông dân phải thuê đơn vị để tư vấn, đánh giá, cấp giấy chứng nhận và tốn chi phí khá cao. Tuy nhiên, giấy chứng nhận VietGAP chỉ

có giá trị trong thời gian 3 năm; sau khi hết hiệu lực, nông dân phải thuê đơn vị để tái chứng nhận lại. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, các mô hình sản xuất đạt chuẩn VietGAP của nông dân ở Cần Thơ được hỗ trợ từ các dự án của ngành nông nghiệp và từ các dự án khoa học công nghệ nên hầu hết người dân được hỗ trợ chi phí chứng nhận lần đầu.

Nguyên nhân cuối cùng nhưng cũng khá quan trọng là thiếu đội ngũ tư vấn, giám sát, hướng dẫn thường xuyên cho nông dân trong quá trình áp dụng quy trình VietGAP. Phần lớn nông dân thường ngại và chậm áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất mới do sợ rủi ro so với cách làm của mình. Do đó, đội ngũ cán bộ tư vấn, hướng dẫn khi nông dân áp dụng quy trình VietGAP sẽ là nhân tố quan trọng giúp nông dân tự tin hơn và mạnh dạn áp dụng.

4.7. Hiệu quả tài chính của nông hộ trồng sầu riêng

Chi phí của nông hộ trồng sầu riêng phát sinh gồm chi phí trung gian (chi phí phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chi phí thuốc diệt cỏ, chi phí đầu tư ban đầu được phân bổ, chi phí khác như nhiên liệu). Chi phí đầu tư ban đầu bao gồm chi phí lên liếp, đắp mô, giống, chi phí phân thuốc, chi phí lao động và các khoản chi phí khác trong suốt thời gian cây chưa cho trái, giai đoạn này thường kéo dài 5-6 năm tính từ ngày bắt đầu trồng. Chi phí tăng thêm là các chi phí còn lại như chi phí lao động gia đình, chi phí thuê lao động, chi phí khấu hao máy móc, thiết bị, dụng cụ trong quá trình sản xuất. Ngoài ra, chi phí vận chuyển, thu hoạch thông thường được thương lái vào mua tự cắt và vận chuyển.

Như vậy, chi phí người trồng phải bỏ ra cho 1 kg khoảng 22.720 ngàn đồng/kg, trong đó chi phí trung gian chiếm 52,3% tổng chi phí tương ứng 11.875 đồng/kg, chi phí tăng thêm chiếm 47,7% tương ứng với khoảng 10.845 đồng/kg. Trong đó, chi phí phân bón chiếm tỷ trọng cao nhất (5.905 đồng/kg). Nguyên nhân là do nông dân tin phân bón có vai trò lớn trong việc tác động đến năng suất cho loại cây này, do đó người trồng có xu hướng bón nhiều phân. (Bảng 4)

Kết quả khảo sát cho thấy, sầu riêng được chia thành 4 loại, cách phân loại chủ yếu thường theo số

Bảng 4. Cơ cấu chi phí sản xuất sầu riêng của nhà vườn

Chỉ tiêu (đồng/kg)	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Lớn nhất	Nhỏ nhất
<i>Tổng chi phí trung gian</i>	11.875		578.264	423,09
Chi phí phân bón	5.905	13.977	198.776	265
Chi phí thuốc BVTV	2.650	17.845	268.947	229
Chi phí đầu tư ban đầu đã phân bổ	2.200	5.630	53.661	314
Chi phí khác	1.120	2.336	17.865	0
<i>Tổng chi phí tăng thêm</i>	10.845		308.771	876,52
Chi phí lao động thuê	3.725	1.895	18.642	0
Chi phí lao động nhà	6.140	14.987	197.568	721,36
Chi phí khấu hao máy móc, thiết bị, dụng cụ	980	2.019	14.688	20,64
Tổng	22.720			

n=180 (kết quả khảo sát năm 2025)

kg của trái, ngoài ra trái thường phải tròn, đều múi, không sâu và phụ thuộc một phần vào quyết định của thương lái và vựa. Trong đó, giá bán loại 1 thời điểm cao nhất khoảng 150 ngàn đồng/kg, với sản lượng chiếm khoảng 30% tổng sản lượng thu hoạch. Tỷ trọng cao nhất là loại 2 khoảng 40% với giá bán cao nhất khoảng 120 ngàn đồng/kg. Loại 3 và 4 giá khá thấp nhưng tỷ trọng cũng tương đối ít. (Bảng 5)

Điểm đáng lưu ý là có sự chênh lệch giá rất lớn

giữa hộ cao nhất và thấp nhất, điều này là do có một số hộ bán vào đợt hàng bị “đội chợ” hoặc khan hiếm với số lượng ít, thương lái mua với giá cao hơn. Ngoài ra, năng suất các hộ trung bình là 1.200 kg/1.000 m². Năng suất trung bình cũng có sự chênh lệch giữa các hộ và giữa các giống. Đây chính là điểm quan trọng đối với loại cây trồng này khi cây sầu riêng rất nhạy cảm với thời tiết, và các yếu tố kỹ thuật canh tác loại cây trồng này.

Bảng 5. Chỉ tiêu tài chính của hộ trồng sầu riêng

Chỉ tiêu		Nhỏ nhất	Trung bình	Lớn nhất
Giá bán (đồng/kg)	Loại I		60.000	
	Loại II		40.000	
	Loại III		20.000	
	Loại IV		10.000	
Sản lượng (kg/0.1 ha)	Loại I	20	360	530
	Loại II	40	480	650
	Loại III	25	240	380
	Loại IV	20	120	220
Doanh thu (triệu/0.1 ha)		15	47	120

n=180 (kết quả khảo sát năm 2025)

5. Giải pháp thúc đẩy nhà vườn áp dụng tiêu chuẩn VietGAP

Nhà vườn cần mạnh dạn thay đổi tư duy sản xuất, chủ động áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật hay các quy trình sản xuất mới vào trong thực tế sản xuất để tạo ra những sản phẩm an toàn hơn, cạnh tranh tốt hơn trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta hiện nay. Việt Nam đã ký nhiều hiệp định thương mại tự do với các nước, tạo cơ hội lớn cho việc xuất khẩu nông sản của nước nhà, tuy nhiên nông sản của ta cũng phải cạnh tranh với nông sản ngoại nhập có chất lượng cao và giá rẻ ở ngay thị trường nội địa.

Cán bộ nông nghiệp ở địa phương cần theo dõi và hỗ trợ nông dân trong quá trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, đặc biệt về quy trình kỹ thuật và khâu ghi chép nhật ký sản xuất. Đây là một quá trình lâu dài để giúp nông dân thay đổi dần thói quen sản xuất tự do sang thói quen sản xuất theo quy chuẩn, có tính trách nhiệm với sản phẩm của mình tạo ra. Cần tăng cường công tác tập huấn nâng cao năng lực áp dụng quy trình VietGAP cho người dân, từ đó giúp nông dân dễ dàng hơn trong việc tiếp cận và áp dụng vào thực tế, giảm chi phí sản xuất theo quy chuẩn VietGAP. Cần tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về những lợi ích của việc áp dụng quy chuẩn VietGAP vào sản xuất, qua đó giúp nông dân thay đổi thói quen sản xuất và nâng cao nhận thức sản xuất an toàn nông sản, an toàn sức khỏe cho chính người sản xuất và người tiêu dùng, góp phần bảo vệ môi trường.

Các cơ quan chuyên môn ở địa phương cần tăng cường làm cầu nối giữa nông dân với các doanh

nh nghiệp thu mua trái cây trong việc tiêu thụ sản phẩm đạt chuẩn VietGAP, thúc đẩy việc ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm VietGAP giữa đại diện nông dân (Hợp tác xã, Tổ hợp tác) với các doanh nghiệp kinh doanh và xuất khẩu trái cây hay với các Nhà bán lẻ hiện đại. Qua đó, giúp nông dân sản xuất theo chuẩn VietGAP có thị trường đầu ra ổn định lâu dài. Nhà nước cần ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, nhà bán buôn tham gia phân phối và tiêu thụ sản phẩm đạt chuẩn VietGAP. Thông qua kênh phân phối và bán buôn này sẽ giúp duy trì được chất lượng và uy tín của các sản phẩm đạt chuẩn VietGAP đối với người tiêu dùng.

6. Kết luận

Những nguyên nhân chủ yếu làm các nhà vườn không có động lực để áp dụng tiêu chuẩn VietGAP vào sản xuất do chi phí sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP cao, giá bán sản phẩm VietGAP không chênh lệch đáng kể so với sản xuất theo phương thức truyền thống của nông dân, đầu ra sản phẩm VietGAP không ổn định. Một số lý do khác làm nông dân chưa thật sự có động lực để áp dụng VietGAP như quy trình kỹ thuật khó áp dụng và phải ghi chép nhật ký sản xuất thường xuyên.

Nhận thức về tiêu chuẩn VietGAP, thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP chưa cao nên nông hộ chưa áp dụng.

Việc thực hiện chuyển đổi phương thức canh tác truyền thống sang canh tác sâu riêng theo tiêu chuẩn VietGAP; đáp ứng yêu cầu xuất khẩu và thực hiện cải tiến kỹ thuật canh tác gắn với ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất và gia tăng giá trị sản phẩm ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bảo Thoa (2023). Việt Nam và EU có cam kết gì về thuế quan đối với rau quả trong Hiệp định EVFTA? Truy cập tại <https://kinhte.congthuong.vn/viet-nam-va-eu-co-cam-ket-gi-ve-thue-quan-doi-voi-rau-qua-trong-hiep-dinh-evfta-290688.html>

Đỗ Hương (2025). Xuất khẩu rau quả năm 2025 đạt kỷ lục 8,5 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay. Truy cập tại <https://baochinhphu.vn/rau-qua-xuat-khau-nam-2025-dat-ky-luc-85-ty-usd-cao-nhat-tu-truoc-den-nay-10225122410173414.htm>

Nguyễn Bảo Vệ và Lê Thanh Phong, (2020). Giáo trình cây đa niên Cây ăn trái. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.

Phương Anh - Thành Nhân (2026). Xuất khẩu trái cây chính ngạch còn thiếu giải pháp đồng bộ. Truy cập tại <https://laodong.vn/kinh-doanh/xuat-khau-trai-cay-chinh-ngach-con-thieu-giai-phap-dong-bo-1649054.ldo>

Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Cần Thơ (2025). Báo cáo Tổng kết ngành nông nghiệp, nông thôn năm 2025 và triển khai kế hoạch năm 2026.

Trần Văn Hậu (2025). Giáo trình trồng và chăm sóc cây sầu riêng. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.

Ngày nhận bài: 15/3/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 31/3/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 16/4/2026

SOLUTIONS FOR DEVELOPING VIETGAP-COMPLIANT DURIAN PRODUCTION AREAS IN CAN THO CITY

● Ph.D. **NGUYEN HUYNH PHUOC**

Lecturer, Nguyen Tat Thanh University

ABSTRACT:

This study aims to identify the factors influencing farmers' non-adoption of VietGAP standards in durian production in Can Tho City. The findings indicate that the main barriers include the high costs associated with VietGAP-compliant production, the relatively small price differential between VietGAP-certified and conventional products, and the unstable market demand for VietGAP products. In addition, complex technical procedures and the requirement to maintain production records are significant obstacles to farmers' adoption of VietGAP standards. Based on these findings, the study proposes several solutions to encourage wider adoption of VietGAP standards among durian farmers.

Keywords: farmer, VietGAP, production, durian production, Can Tho.